TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2024
"V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh
2. Ông Võ Văn Liềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn, yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/08/2024 giữa:

* Nguyên đơn: bà Võ Thị Bé B, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 7, xã V, huyện G, Kiên Giang

* Bị đơn: ông Trần Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 7, xã V, huyện G, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 25/6/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Bé B trình bày:

Bà và ông Trần Văn H tự quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng một thời gian ngắn thì hai người tự nguyện kết hôn với nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2003 và ông bà có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 quyển số: 01 ngày 07/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên cằn nhằn, kiếm chuyện ghen tuông vô cớ và ông H còn có hành vi bạo lực gia đình đánh bà nhiều lần, vì thương con nên bà đã chịu đựng cảnh khổ này rất nhiều năm và bà có khuyên nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi tính tình mà ngày càng khó khăn hơn, bà làm gì cũng không hài lòng ông H. Do bà không chịu nổi nữa nên đã thuê nhà trọ sống riêng với ông H từ tháng 6/2024 đến nay. Nay, bà không muốn

sống chung với ông H nữa vì bà không còn tình cảm với ông H nên bà quyết định ly hôn với ông H.

Quá trình sống chung với ông H, bà và ông H có ba người con chung tên Trần Thị Yến Nh, sinh ngày 26/8/2004; Trần Thị Yến L, sinh ngày 16/11/2009 và Trần Thị Tường V, sinh ngày 08/5/2020. Bà đang trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thị Yến L và ông H đang trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thị Tường V từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Về tài sản chung và nợ chung bà Bé B xác định là vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Bé B yêu cầu về hôn nhân cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H. Về con chung bà yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Trần Thị Yến L, sinh ngày 16/11/2009 và bà đồng ý giao con Trần Thị Tường V, sinh ngày 08/5/2020 cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn con tên Trần Thị Yến Nh, sinh ngày 26/8/2004 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông H không ai cấp dưỡng cho ai. Về tài sản chung và nợ chung bà Bé B xác định là vợ chồng không cò tài sản chung và cũng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải ngày 25/7/2024 bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Ông và bà Võ Thị Bé B quen biết, tìm hiểu và ông bà tự nguyện kết hôn với nhau, ông bà được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao ngày 07/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông vẫn sống hạnh phúc đến tháng 4/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ đi làm mà ông hỏi vợ đi làm gì thì vợ không nói nên ông bực bội, ông thừa nhận là ông có cằn nhằn vợ nên vợ chồng cãi nhau.

Ông và bà Bé B có ba người con chung tên Trần Thị Yến Nh, sinh ngày 26/8/2004; Trần Thị Yến L, sinh ngày 16/11/2009 và Trần Thị Tường V, sinh ngày 08/5/2020. Ông và bà Bé B không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Ông H có nguyện vọng về hôn nhân ông không đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Bé B vì ông còn thương vợ thương con nên muốn vợ chồng đoàn tụ và ông hứa sẽ sửa đổi tính tình để vợ chồng vui vẻ hạnh phúc. Nếu bà Bé B cương quyết ly hôn thì về con ông H yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Trần Thị Tường V, sinh ngày 08/5/2020 và ông đồng ý giao con Trần Thị Yến L, sinh ngày 16/11/2009 cho bà Bé B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn con tên Trần Thị Yến Nh, sinh ngày 26/8/2004 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông và bà Bé B không ai cấp dưỡng cho ai. Còn tài sản chung và nợ chung ông H xác định không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Võ Thị Bé B và ông Trần Văn H là tranh chấp về "ly hôn, yêu cầu nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà Võ Thị Bé B xác lập quan hệ hôn nhân với ông Trần Văn H vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, ông bà có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 77/2003 quyển sổ số 01 ngày 07/11/2003, cho nên theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bé B là bà có nguyện vọng được ly hôn với ông H lý do ông H thường xuyên cằn nhằn, kiếm chuyện ghen tuông vô cớ và ông H còn có hành vi bạo lực gia đình đánh bà nhiều lần, vì thương con nên bà đã chịu đựng cảnh khổ này rất nhiều năm và bà có khuyên nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi tính tình mà ngày càng khó khăn hơn, bà làm gì cũng không hài lòng ông H. Do bà không chịu nổi nữa nên đã thuê nhà trọ sống riêng với ông H từ tháng 6/2024. Bà thấy hôn nhân của bà không thể hàn gắn lại được nữa vì bà đã không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Còn ông H thì không đồng ý ly hôn và ông yêu cầu vợ chồng đoàn tụ vì ông còn thương vợ thương con. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhằm cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân thể hiện tại Phiên hòa giải đề ngày 30 tháng 7 năm 2024 nhưng sau ngày Tòa án tiến hành hòa giải đến nay bà Bé B và ông H cũng ít gặp nhau và không thể nói chuyện được với nhau như trước. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc hòa giải động viên vợ chồng ông bà hàn gắn lại vẫn không có kết quả. Hơn nữa, tại phiên tòa, bà Bé B vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H vì bà cho rằng bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông H. Xét thấy hôn nhân của ông, bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bé B.

[2.3] Về con chung: bà Bé Bà và ông H đều khai có ba người con chung tên Trần Thị Yến Nh, sinh ngày 26/8/2004; Trần Thị Yến L, sinh ngày 16/11/2009 và Trần Thị Tường V, sinh ngày 08/5/2020. Con tên Trần Thị Yến L có nguyện vọng

muốn được sống chung với mẹ. Bà Bé B và ông H thỏa thuận với nhau là bà Bé B yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Trần Thị Yến L; bà đồng ý giao con Trần Thị Tường V cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn con tên Trần Thị Yến Nh đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà về con chung là phù hợp với thực tế, đúng nguyện vọng của Yến L, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con bà Bé B và ông H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Bé B, ông H đều khai không có nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng bà Bé B phải nộp do bà có yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân*:* chấp nhận cho bà Võ Thị Bé B được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Bé B và ông H là giao con tên Trần Thị Yến L, sinh ngày 16/11/2009 cho bà Bé B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao con tên Trần Thị Tường V, sinh ngày 08/5/2020 cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Bé B, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*:* Miễn xét.

4. Về án phí HNST*:* bằng 300.000đồng bà Võ Thị Bé B phải nộp do bà có yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006046 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Bé B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho bà Bé B được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 09/9/2024. Báo cho ông H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh